

Bản án số: 16/2021/HS-ST

Ngày: 08 - 9 - 2021

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN MỘ ĐỨC, TỈNH QUẢNG NGÃI

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Bích Vân.

Các Hội thẩm nhân dân:

+ Ông Đặng Văn Minh;

+ Ông Phạm Thanh Lý.

- Thư ký phiên tòa: Ông Trần Nguyễn Trọng Thành, là Thư ký Tòa án nhân dân huyện Mộ Đức, tỉnh Quảng Ngãi.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Mộ Đức, tỉnh Quảng Ngãi tham gia phiên tòa: Ông Lê Trung Hiếu - Kiểm sát viên.

Ngày 08 tháng 9 năm 2021, tại Tòa án nhân dân huyện M, tỉnh Quảng Ngãi xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 15/2021/TLST-HS, ngày 18 tháng 6 năm 2021 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 14/2021/QĐXXST-HS ngày 19 tháng 7 năm 2021 và Thông báo mở lại phiên tòa xét xử sơ thẩm số 25/TB - TA, ngày 25 tháng 8 năm 2021 của Tòa án nhân dân huyện M đối với các bị cáo:

1/ Nguyễn Ngọc Q (tên gọi khác là Cu A), sinh ngày 06 tháng 3 năm 1983, tại thị xã A, tỉnh Bình Định; nơi cư trú: Thôn T, xã Ia S, huyện Ia G, tỉnh Gia Lai; nghề nghiệp: Buôn bán; trình độ văn hóa (học vấn): 02/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Phật giáo; quốc tịch: Việt Nam; con ông: Nguyễn Ngọc Th (đã chết); con bà: Võ Thị Bạch T, sinh năm 1954; vợ: Lê Thị Th, sinh năm 1986; con: Có một con (mới sinh được hai tháng); tiền sự: Không

Tiền án:

- Ngày 04/5/2001 bị Tòa án nhân dân thành phố P, tỉnh Gia Lai xử phạt 24 tháng tù về tội “Trộm cắp tài sản”

- Ngày 27/6/2003 bị Tòa án nhân dân thành phố P, tỉnh Gia lai xử phạt 24 tháng tù về tội “Trộm cắp tài sản”;

- Ngày 11/3/2008 bị Tòa án nhân dân huyện A, tỉnh Bình Định xử phạt 06 năm tù về tội “Cướp giật tài sản” và 04 năm tù về tội “Trộm cắp tài sản”; tổng hợp hình phạt chung cho cả hai tội 10 năm tù;

- Ngày 17/4/2008 bị Tòa phúc thẩm Tòa án nhân dân cấp cao tại Đ xét xử phúc thẩm xử phạt 08 năm tù về tội “Cướp tài sản”. Chấp hành hình phạt chung

của hai bản án là 18 năm tù, đến ngày 16/6/2019 chấp hành xong hình phạt, chưa được xóa án tích;

- Ngày 18/9/2020 bị Tòa án nhân dân huyện Ia G, tỉnh Gia Lai xử phạt 04 năm tù về tội “Đánh bạc” (chưa chấp hành hình phạt tù).

Bị cáo bị bắt tạm giữ, tạm giam từ ngày 25/01/2021 cho đến nay. Hiện bị cáo đang tạm giam, trích xuất bị cáo có mặt tại phiên tòa.

2/ Trần Đức D, sinh ngày 29 tháng 4 năm 1992, tại huyện M, tỉnh Quảng Ngãi; nơi cư trú: Thôn P, xã Đ, huyện M, tỉnh Quảng Ngãi; nghề nghiệp: Nông; trình độ văn hóa (học vấn): 9/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Phật giáo; quốc tịch: Việt Nam; con ông Trần Th, sinh năm 1970; con bà Đoàn Thị Ph, sinh năm 1969; vợ, con: Chưa có; tiền sự: Không;

Tiền án:

- Ngày 11/9/2010 bị Tòa án nhân dân huyện M, tỉnh Quảng Ngãi xử phạt 02 năm 03 tháng tù về tội “Trộm cắp tài sản”

- Ngày 25/4/2013 bị Tòa án nhân dân huyện M, tỉnh Quảng Ngãi xử phạt 05 năm 06 tháng tù về tội “Cướp giật tài sản” và 05 năm 06 tháng tù về tội “Trộm cắp tài sản”; tổng hợp hình phạt chung cho cả hai tội 11 năm tù.

- Về nhân thân: Ngày 24/10/2008 bị Tòa án nhân dân huyện M, tỉnh Quảng Ngãi xử phạt 06 tháng tù về tội “Trộm cắp tài sản” đến tháng 06/2009 chấp hành xong hình phạt, khi phạm tội bị cáo là người chưa thành niên nên được coi là không có án tích. Bị cáo bị bắt tạm giam từ ngày 04/02/2021 cho đến nay. Hiện bị cáo đang tạm giam, trích xuất bị cáo có mặt tại phiên tòa.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án: Anh Trần Đức Nh, sinh năm 1994, nơi cư trú: Thôn P, xã Đ, huyện M, tỉnh Quảng Ngãi (Vắng mặt)

Người làm chứng:

1/ Anh Đoàn Trung H, sinh năm 1986; nơi cư trú: Thôn Ph, xã Đ, huyện M, tỉnh Quảng Ngãi (Vắng mặt)

2/ Anh Trần Ngọc Nh, sinh năm 1980; nơi cư trú: Thôn Ph, xã Đ, huyện M, tỉnh Quảng Ngãi (Vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Nguyễn Ngọc Q ở thôn T, xã Ia S, huyện Ia G, tỉnh Gia Lai và Trần Đức D ở thôn P, xã Đ, huyện M, tỉnh Quảng Ngãi có mối quan hệ quen biết nhau khi cả hai cùng chấp hành án phạt tù tại Trại giam K, tỉnh Bình Định; sau khi ra tù, D có lên nhà của Q ở thôn T, xã Ia S, huyện Ia G, để phụ bán quán ăn và sống tại nhà Q, trong thời gian D sống tại nhà Q, thì có tâm sự với Q là “bạn bè của D ở quê M, Quảng Ngãi có sử dụng ma túy đá nhiều”, do tình hình dịch Covid quán của Q vắng khách, nên D về lại huyện M, tỉnh Quảng Ngãi nhưng cả hai vẫn giữ liên lạc qua lại bằng điện thoại. Khi không có tiền tiêu xài cá nhân, Quyền đã liên lạc và nói với D “ở quê của D ai có nhu cầu mua ma túy đá thì liên hệ với Q

mang ma túy về bán” nhưng D nói “không biết ai sử dụng ma túy”. Thời gian sau đó D có nhậu với Trần Ngọc Nh và Đoàn Trung H; cùng ở: Thôn Ph, xã Đ, huyện M, trong lúc nhậu thì Nh nói vui với D “có tiền không đưa mua ma túy chơi” D nói “không có tiền”, sau đó Nh nói “khổ quá không có tiền, để làm liều bán ma túy luôn quá”, nghe Nh nói vậy nên D hỏi “có bán ma túy không để D liên lạc ông anh (ý nhắc đến Q) ở Gia Lai đem ma túy về bán”, Nh nói D liên lạc hỏi thử giá một hộp 05 ma túy đá bao nhiêu tiền, thì D gọi và được Q cho biết giá một hộp 05 là 4.000.000đ (*Bốn triệu đồng*), H cũng nói vui với D lấy thêm một hộp 10; Nh nói rẻ và nói D liên hệ cho Q đem bán một hộp 5 và một hộp 10 ma túy đá. Đến ngày 24/01/2021 D điện thoại cho Q nói “ở dưới này có người cần mua ma túy đá một hộp 5 và một hộp 10 anh có thì mang xuống bán”, nghe vậy Q đồng ý và nói để Q kiểm tiền mua ma túy đem về bán. Sau đó Q gặp một người tên Th ở thành phố P, tỉnh Gia Lai tại một quán cà phê vỉa hè để mua ma túy một hộp 5, một hộp 10 với giá 8.100.000đ (*Tám triệu một trăm ngàn đồng*). Sau khi mua được ma túy Q cất giấu trong người, không cho vợ là Lê Thị Th biết rồi rủ vợ xuống nhà D ở Quảng Ngãi chơi. Nguyễn Ngọc Q và vợ đón xe khách xuống Quảng Ngãi. Khi lên xe Q có điện thoại cho D nói đã lên xe rồi lúc đó khoảng 10 giờ ngày 25/01/2021, D nói khi nào đến Bưu Điện M thoại cho D ra đón, đến khoảng 17 giờ 10 phút cùng ngày Q và vợ xuống xe ở Bưu Điện huyện M, được D đến đón và chở về nhà. Khi đến nhà, D sử dụng xe mô tô mang biển số: 76G1-16153 chở Q đi mua lẩu về ăn tối, trên đường đi Q nói với D bao giờ đến nhà người ta (tức người đã hỏi mua ma túy), nghe vậy D nói giờ đi luôn và chở Q đến nhà H nhưng H nói không có tiền nên không mua và việc nói mua ma túy trước đó chỉ là nói vui; sau đó D điện thoại cho Nh nói “có ông anh trên Gia Lai đến M và hỏi Nh có mua ma túy không, thì Nh nói đang bận hẹn gặp sau, lúc này Nh đang dọn dàn nhạc đám cưới tại nhà của bà O, gần nhà của H; sau đó D chở Q đến nhà của Nh, trên đường đi thì bị Công an M phát hiện bắt giữ, kiểm tra trên người của Q phát hiện một túi ni lông màu trắng bên trong có hai túi ni lông có chứa chất rắn dạng tinh thể màu trắng giấu trong tất đang mang ở chân phải của Q (Q khai nhận đó là ma túy đá), kiểm tra trên người D thì không phát hiện được gì. Công an huyện M tiến hành lập biên bản bắt người có hành vi phạm tội quả tang, lập biên bản thu giữ và niêm phong tang vật là hai túi ni lông bên trong có chứa chất rắn dạng tinh thể màu trắng. Quá trình điều tra, Nguyễn Ngọc Q và Trần Đức D đã khai nhận hành vi phạm tội như đã nêu trên.

Vật chứng thu giữ:

- 02 (hai) túi ni lông trong tất chân của Q, bên trong có chứa chất rắn dạng tinh thể màu trắng, Q khai nhận là ma túy đá, hiện đang tạm giữ mẫu vật sau giám định; 01 (một) điện thoại bàn phím màu vàng, mặt trước có dòng chữ KECHAODA, số Imei 2: 355204502354045, bên trong có gắn một thẻ sim Viettel có dãy số sơ ri: 8984048000033652749; 01 (một) điện thoại di động cảm ứng màu vàng, có số Imei 1: 355703658968796, số Imei 2: 355204502354045, bên trong có gắn một thẻ sim Viettel có dãy số sơ ri: 8984048000312490792; Tiền Việt Nam 1.600.000 đồng (*Một triệu sáu trăm nghìn đồng*); 01 (một) chứng minh nhân dân số 212700969 mang tên Trần Đức D; 01 (một) chứng minh nhân dân số 230764564 mang tên Nguyễn Ngọc Q và

01 (một) xe máy mang biển số 76G1-161.53, số máy: 1FC3079786; số khung: FC30EY079782;

Tại bản kết luận số 147/KLGD-PC09 ngày 29/01/2021 của Phòng kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Quảng Ngãi kết luận: *Chất rắn dạng hạt tinh thể màu trắng bên trong 02 túi ny lông màu trắng gửi giám định là ma túy; loại: Methamphetamine; khối lượng mẫu: 14,51 gam. Methamphetamine là chất ma túy nằm trong danh mục II, STT 323, Nghị định 73/2018/NĐ-CP ngày 15/5/2018 của Chính phủ.*

Tại Cáo trạng số 11/CT-VKS, ngày 17 tháng 6 năm 2021 Viện kiểm sát nhân dân huyện M, tỉnh Quảng Ngãi truy tố các bị cáo Nguyễn Ngọc Q và Trần Đức D về tội “Mua bán trái phép chất ma túy” được quy định tại điểm **i, q** khoản **2** Điều **251** của Bộ luật hình sự năm 2015, được sửa đổi, bổ sung năm 2017.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện M, tỉnh Quảng Ngãi xác định Viện kiểm sát truy tố đối với các bị cáo Nguyễn Ngọc Q và Trần Đức D về tội “Mua bán trái phép chất ma túy” là có căn cứ, đúng pháp luật nên giữ nguyên Quyết định truy tố. Sau khi phân tích về tính chất mức độ nguy hiểm của hành vi phạm tội, nhân thân, các tình tiết tăng nặng giảm nhẹ trách nhiệm hình sự của các bị cáo, đề nghị Hội đồng xét xử: Tuyên bố các bị cáo phạm tội “Mua bán trái phép chất ma túy”; áp dụng điểm **i, q** khoản **2** Điều **251**; điểm **s** khoản **1** Điều **51**, các Điều **17, 38, 58** của Bộ luật hình sự năm 2015, được sửa đổi, bổ sung năm 2017; xử phạt bị cáo Nguyễn Ngọc Q mức án tù 10 năm đến 10 năm 06 tháng tù; áp dụng Điều **56** Bộ luật hình sự tổng hợp hình phạt mà bản án số 25/2020/HSST ngày 18-9-2020 của Tòa án nhân dân huyện Ia G, tỉnh Gia Lai đã tuyên Nguyễn Ngọc Q 04 năm tù về tội “Đánh bạc” được trừ đi thời gian tạm giữ, tạm giam từ ngày 17/12/2019 đến ngày 15/02/2020; bị cáo Trần Đức D mức án tù 08 năm đến 08 năm 06 tháng tù.

- Về xử lý vật chứng: Áp dụng Điều **47** Bộ luật hình sự; Điều **106** Bộ luật tố tụng hình sự:

Đề nghị Hội đồng xét xử tuyên tịch thu cho tiêu hủy: 14,21 gam ma túy, loại Methamphetamine cùng toàn bộ vỏ bao còn lại sau giám định được niêm phong trong cùng một bao bì số 147/PC09 (GD - 2021);

Đề nghị Hội đồng xét xử tuyên tịch thu sung ngân sách Nhà nước: 01 (một) điện thoại bàn phím màu vàng, mặt trước có dòng chữ KECHAODA, số Imei 2: 355204502354045, bên trong có gắn một thẻ sim Viettel có dãy số sơ ri: 898404800033652749; 01 (một) điện thoại di động cảm ứng màu vàng, có số Imei 1: 355703658968796, số Imei 2: 355204502354045, bên trong có gắn một thẻ sim Viettel có dãy số sơ ri: 8984048000312490792 mà các bị cáo dùng làm công cụ, phương tiện để phạm tội.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan Cảnh sát Điều tra Công an huyện M, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện M, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã được thực hiện đúng thẩm quyền, trình tự, thủ tục theo quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Trong quá trình điều tra, truy tố và tại phiên tòa, các bị cáo Nguyễn Ngọc Q, Trần Đức D và những người tham gia tố tụng đều không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng và người có thẩm quyền tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người có thẩm quyền tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Tại phiên tòa, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là anh Trần Đức Nh; những người làm chứng là anh Đoàn Trung H và anh Trần Ngọc Nh, vắng mặt nhưng đã có lời khai trong quá trình điều tra. Việc vắng mặt của những người này không ảnh hưởng đến việc xét xử. Do đó, Hội đồng xét xử vẫn tiến hành xét xử vụ án theo quy định tại Điều 292 của Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015.

[3] Lời khai nhận tội của các bị cáo tại phiên tòa phù hợp với lời khai của các bị cáo trong giai đoạn điều tra, truy tố; phù hợp với lời khai của những người tham gia tố tụng khác và phù hợp với các tài liệu, chứng cứ khác có tại hồ sơ vụ án. Như vậy, có đủ cơ sở xác định: Như đã hện trước, Nguyễn Ngọc Q đã tìm mua ma túy và ngày 25/01/2021 Nguyễn Ngọc Q đã mang ma túy từ Gia Lai xuống huyện M, tỉnh Quảng Ngãi gặp Trần Đức D, với mục đích cùng D mang ma túy đi bán cho một số đối tượng, trên đường đi thì bị Công an M bắt quả tang, thu giữ tại người của Q túi ma túy đá, có khối lượng 14,51gam, loại Methamphetamine (theo kết luận giám định số 147/KLGD-PC09 ngày 29/01/2021 của Phòng kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Quảng Ngãi).

Ngày 16/6/2019 bị cáo Nguyễn Ngọc Q chấp hành xong hình phạt 18 năm tù; ngày 04/9/2020 bị cáo Trần Đức D chấp hành xong hình phạt 11 năm tù nên hành vi phạm tội của các bị cáo Q và D thuộc trường hợp tái phạm chưa được xóa án tích mà lại tiếp tục thực hiện hành vi phạm tội do cố ý nên đã phạm vào tội “Mua bán trái phép chất ma túy” với tình tiết định khung “*Tái phạm nguy hiểm*” và theo Kết luận giám định túi ma túy đá thu giữ tại người của bị cáo Quyền có khối lượng 14,51gam, loại Methamphetamine với tình tiết định khung “*Heroine, Cocaine, Methamphetamine, Amphetamine, MDMA hoặc XLR-11 có khối lượng từ 05 gam đến dưới 30 gam*” quy định tại điểm i, q khoản 2 Điều 251 BLHS. Do đó, Viện kiểm sát nhân dân huyện M truy tố bị cáo Nguyễn Ngọc Q và bị cáo Trần Đức D về tội: “Mua bán trái phép chất ma túy” theo quy định tại điểm i, q khoản 2 Điều 251 Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017 là có căn cứ, đúng người, đúng tội, đúng pháp luật.

[4] Về tính chất, mức độ hành vi phạm tội của các bị cáo: Hành vi của các bị cáo Nguyễn Ngọc Q và Trần Đức D là rất nguy hiểm cho xã hội, đã xâm phạm chế độ thống nhất quản lý của Nhà nước đối với các chất ma túy, gây ảnh hưởng đến trật tự trị an và là một trong những nguyên nhân làm phát sinh các tệ nạn khác trong xã hội gây hoang mang, lo lắng cho nhân dân. Các bị cáo là người có đầy đủ năng lực trách nhiệm hình sự, nhận biết rõ tác hại của ma túy

và việc mua bán trái phép chất ma túy là vi phạm pháp luật nhưng do xem thường pháp luật, các bị cáo đã cố ý thực hiện tội phạm. Do đó, cần phải xử phạt các bị cáo mức án nghiêm. Tuy nhiên, trước khi quyết định hình phạt Hội đồng xét xử xem xét đến nhân thân, các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự của các bị cáo thấy rằng:

Về nhân thân: Cả hai bị cáo Q và D đều có nhân thân xấu, đã nhiều lần phạm tội, sau khi chấp hành xong hình phạt tù về lại địa phương, các bị cáo không tu chí làm ăn để trở thành công dân có ích cho xã hội mà tiếp tục thực hiện hành vi phạm tội; bị cáo Q, ngày 18/9/2020 bị Tòa án nhân dân huyện Ia G, tỉnh Gia Lai xử phạt 04 năm tù về tội “Đánh bạc” theo bản án hình sự sơ thẩm số 25/2020/HSST, bị cáo có quyết định hoãn chấp hành hình phạt tù ngày 19/01/2021, thời hạn hoãn là 09 tháng nhưng trong thời gian này bị cáo lại tiếp tục phạm tội mua bán trái phép chất ma túy, trong vụ án này bị cáo Nguyễn Ngọc Q là người chủ mưu khởi xướng và là người thực hành; bị cáo Trần Đức D biết Quyền có mua bán ma túy và đã đồng ý làm môi giới, hướng dẫn nên đồng phạm với vai trò là người thực hành và giúp sức. Điều này, chứng tỏ các bị cáo có thái độ xem thường pháp luật nên cần xét xử các bị cáo với mức án tương xứng với tính chất, hành vi phạm tội và nhân thân của các bị cáo, cần buộc các bị cáo phải chấp hành hình phạt tại cơ sở giam giữ trong một thời hạn nhất định để răn đe, giáo dục các bị cáo và phòng ngừa chung cho xã hội

- Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Các bị cáo không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự

- Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Trong quá trình điều tra, truy tố và tại phiên tòa sơ thẩm, các bị cáo Nguyễn Ngọc Q và Trần Đức D đã thành khẩn khai báo về hành vi phạm tội của mình, do đó, cần áp dụng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật hình sự năm 2015, được sửa đổi, bổ sung năm 2017 cho các bị cáo.

[5] Xét thấy, các bị cáo Nguyễn Ngọc Q, Trần Đức D đã cùng cố ý thực hiện hành vi mua bán trái phép chất ma túy nhưng khi phạm tội các bị cáo không có sự bàn bạc, thống nhất với nhau về việc thực hiện hành vi nói trên. Do đó, đây là một vụ án có đồng phạm nhưng chỉ là đồng phạm giản đơn, các bị cáo phải cùng chịu trách nhiệm hình sự về tội phạm đã thực hiện.

[6] Về hình phạt bổ sung: Do các bị cáo Nguyễn Ngọc Q và Trần Đức D không có tài sản và không có nghề nghiệp, thu nhập ổn định nên Hội đồng xét xử không áp dụng hình phạt bổ sung đối với các bị cáo.

[7] Đối với Đoàn Trung H và Trần Ngọc Nh trước đó có hứa hẹn mua ma túy của D, tuy nhiên H và Nh xác định lúc đó chỉ nói vui chứ không phải là thật, bản thân cũng không có tiền và không có ý định mua nên khi D gọi điện thoại và mang ma túy đến nhà, thì H và Nh đã từ chối không mua; liền ngay sau đó thì Q và D bị cơ quan chức năng phát hiện bắt giữ; xác định khoảng thời gian xảy ra rất ngắn nên H và Nh không có thời gian báo cáo với cơ quan chức năng, nên không có cơ sở xử lý đối với H và Nh về hành vi không tố giác tội phạm.

[8] Đối với đối tượng tên Th, người đã bán ma túy cho Q, Cơ quan điều tra đã xác minh, truy tìm nhưng không có kết quả; Q chỉ biết tên Th, quen ngoài xã hội, ngoài ra không biết gì thêm nên không có căn cứ để điều tra, xử lý, do đó Hội đồng xét xử không xem xét.

[9] Đối với chị Lê Thị Th là vợ của Q, khi đi cùng Q xuống Quảng Ngãi không biết Q có cất dấu ma túy trong người, không biết việc mua bán ma túy của các đối tượng, nên không có cơ sở để xử lý.

[10] Về xử lý vật chứng: Áp dụng Điều 47 Bộ luật hình sự; Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự:

- Đối với số tiền 1.600.000đồng (VNĐ) là tiền cá nhân của Nguyễn Ngọc Q không liên quan đến việc mua bán trái phép chất ma túy; 01 (một) chứng minh nhân dân số 212700969 mang tên Trần Đức D; 01 (một) chứng minh nhân dân số 230764564 mang tên Nguyễn Ngọc Q, là giấy tờ tùy thân; quá trình điều tra Cơ quan CSĐT – Công an huyện M đã trả lại cho các bị cáo là phù hợp với quy định của pháp luật;

- 01 (một) xe máy mang biển số 76G1-161.53, số máy: 1FC3079786; số khung: FC30EY079782 Trần Đức D sử dụng chở Nguyễn Ngọc Q đi bán ma túy là xe của Trần Đức Nh (em ruột của D) đứng tên trong giấy đăng ký xe. D tự ý lấy xe chở Q đi bán ma túy Nh hoàn toàn không biết nên trong quá trình điều tra, Cơ quan CSĐT – Công an huyện M đã trả lại xe cho anh Nh, anh Nh đã nhận lại xe là đúng quy định của pháp luật;

- Tuyên tịch thu và tiêu hủy 14,21gam ma túy, loại Methamphetamine cùng toàn bộ vỏ bao còn lại sau giám định được niêm phong trong cùng một bao bì số 147/PC09 (GD -2021);

- Tuyên tịch thu sung ngân sách Nhà nước 01 (một) điện thoại bàn phím màu vàng, mặt trước có dòng chữ KECHAODA, bên trong có gắn thẻ sim Viettel; 01 (một) điện thoại di động cảm ứng màu vàng, có số IMEI 1: 355703658968796, số IMEI 2: 355204502354045 mà Nguyễn Ngọc Q và Trần Đức D dùng để liên lạc mua bán ma túy.

[11] Về căn cứ truy tố và luận tội của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện M tại phiên tòa là phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận. Tuy nhiên, mức hình phạt Viện kiểm sát đề nghị cho các bị cáo là nghiêm khắc so với tính chất, hành vi phạm tội của các bị cáo nên HĐXX cần xử phạt các bị cáo mức án khởi điểm khung hình phạt cũng đảm bảo tính răn đe, giáo dục các bị cáo.

[12] Về án phí: Các bị cáo Nguyễn Ngọc Q, Trần Đức D mỗi bị cáo phải chịu 200.000đồng án phí hình sự sơ thẩm.

[13] Các bị cáo, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án được quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Căn cứ điểm i, q khoản 2 Điều 251; điểm s khoản 1 Điều 51; Điều 17 và các Điều 38, 58 Bộ luật hình sự 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017;

Tuyên bố bị cáo Nguyễn Ngọc Q và Trần Đức D phạm tội “Mua bán trái phép chất ma túy”.

Xử phạt bị cáo Nguyễn Ngọc Q 08 (Tám) năm tù

Căn cứ Điều 56 của Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017. Tổng hợp với hình phạt 04 (bốn) năm tù về tội “Đánh bạc” tại bản án hình sự sơ thẩm số 25/2020/HSST ngày 18-9-2020 của Tòa án nhân dân huyện Ia Grai, tỉnh Gia Lai. Buộc bị cáo Nguyễn Ngọc Q phải chấp hành hình phạt chung của hai bản án là 12 (Mười hai) năm tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bị cáo bị bắt tạm giữ, tạm giam 25/01/2021 nhưng được trừ thời gian bị cáo đã bị tạm giữ, tạm giam từ ngày 17/12/2019 đến ngày 15/02/2020 (về tội “Đánh bạc”)

Xử phạt bị cáo Trần Đức D 07 (Bảy) năm tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bị cáo bị bắt tạm giữ, tạm giam 04/02/2021.

2. Về áp dụng biện pháp ngăn chặn: Căn cứ các Điều 109, 113, 119 và 329 Bộ luật Tố tụng hình sự,

Tiếp tục tạm giam bị cáo Nguyễn Ngọc Q và bị cáo Trần Đức D để đảm bảo thi hành án. Thời hạn tạm giam là 45 (bốn mươi lăm) ngày, kể từ ngày tuyên án.

3. Về xử lý vật chứng: Căn cứ Điều 47 Bộ luật hình sự và Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự:

- Tuyên tịch thu tiêu hủy: 14,21 gam ma túy, loại Methamphetamine cùng toàn bộ vỏ bao còn lại sau giám định được niêm phong trong cùng một bao bì số 147/PC09 (GD -2021)

- Tuyên tịch thu sung ngân sách Nhà nước: 01 (một) điện thoại bàn phím màu vàng, mặt trước có dòng chữ KECHAODA, số Imei 2: 355204502354045, bên trong có gắn một thẻ sim Viettel có dãy số sơ ri: 8984048000033652749; 01 (một) điện thoại di động cảm ứng màu vàng, có số Imei 1: 355703658968796, số Imei 2: 355204502354045, bên trong có gắn một thẻ sim Viettel có dãy số sơ ri: 8984048000312490792.

(Tất cả vật chứng, tài sản trên đều có đặc điểm như biên bản bàn giao nhận vật chứng ngày 01/7/2021 giữa Cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện M với Chi cục Thi hành án dân sự huyện M).

4. Về án phí: Căn cứ Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự; điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội; buộc các bị cáo Nguyễn Ngọc Q và Trần Đức D mỗi bị cáo phải chịu 200.000đ (Hai trăm nghìn đồng) án phí hình sự sơ thẩm.

5. Về quyền kháng cáo: Căn cứ vào Điều 331; Điều 333 Bộ luật tố tụng hình sự: Các bị cáo có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày, kể từ ngày tuyên án (08/9/2021). Người có quyền lợi,

nghĩa vụ liên quan vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết công khai theo quy định của pháp luật.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Quảng Ngãi;
- VKSND tỉnh Quảng Ngãi;
- Sở Tư pháp tỉnh Quảng Ngãi;
- VKSND huyện M;
- CQCSĐT Công an huyện M;
- Cơ quan THAHS Công an huyện M;
- Phòng NVLT Công an huyện M;
- Chi Cục THADS huyện M;
- Bị cáo;
- Những người tham gia tố tụng khác;
- Lưu: Hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Nguyễn Thị Bích Vân

Các thành viên Hội đồng xét xử

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Các thành viên Hội đồng xét xử

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

- Ngày 05/4/2001 bị Tòa án nhân dân thành phố Pleiku, tỉnh Gia Lai xử phạt 24 tháng tù về tội “Trộm cắp tài sản” đến tháng 11/2002 chấp hành xong hình phạt, khi phạm tội bị cáo là người chưa thành niên nên không bị coi là có án tích;